

LÀNG PHÒNG THỦ, NHÀ PHÁO ĐÀI CỦA NGƯỜI TÀY, NÙNG Ở LẠNG SƠN TỪ GÓC NHÌN LỊCH SỬ - VĂN HÓA, SINH THÁI - NHÂN VĂN VÀ DU LỊCH

PGS.TS. Phạm Văn Lợi
Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển

***Tóm tắt:** Làng phòng thủ, nhà pháo đài là một trong những đặc trưng văn hóa tiêu biểu của người Tày, Nùng ở huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Vấn đề này đã có nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu, nhưng hầu hết mới chỉ đề cập một cách chung chung hoặc chỉ quan tâm tới một vài khía cạnh nào đó, chưa xem xét một cách toàn diện để có được những đánh giá mang tính tổng quát trên phạm vi không gian rộng lớn hơn và cũng chưa chỉ rõ vai trò, giá trị của làng phòng thủ, nhà pháo đài trong quá trình phát triển của hai tộc người này. Trong bài viết này, tác giả tập trung đánh giá các thành tố/đặc trưng văn hóa làng phòng thủ, nhà pháo đài của người Tày, Nùng ở Lạng Sơn từ góc nhìn lịch sử - văn hóa, sinh thái - nhân văn và du lịch trên phạm vi quốc gia - dân tộc Việt Nam nói chung và phạm vi tỉnh Lạng Sơn, khu vực biên giới Đông Bắc Việt Nam nói riêng.*

***Từ khóa:** Làng phòng thủ, nhà pháo đài, Tày, Nùng, Lạng Sơn, vùng Đông Bắc.*

Ngày nhận bài: 2/4/2019; ngày gửi phản biện: 2/7/2019; ngày duyệt đăng: 7/8/2019

Đặt vấn đề

Làng phòng thủ, nhà pháo đài là một trong những hình thức cư trú tiêu biểu của người Tày, Nùng ở huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Vấn đề này đã có nhiều nhà nghiên cứu quan tâm (Lê Văn Lan, 1964; Lã Văn Lô, Đặng Nghiêın Vạn, 1968; Ngô Đức Thịnh, 1985; Vi Văn An, 1988), nhưng “các tác giả mới chỉ đề cập tới (thành tố/đặc trưng văn hóa) một cách chung chung, hoặc chỉ đề cập tới một khía cạnh nào đó, chưa xem xét vấn đề này một cách toàn diện, cũng như chưa có được những nhận xét có tính tổng quát” (Vi Văn An, 1988, tr. 130).

Trong Hội nghị Khoa học Xứ Lạng - Lạng Sơn năm 1988, do Sở Văn hóa - Thông tin¹ tỉnh Lạng Sơn tổ chức, nhà dân tộc học Vi Văn An đã có bài tham luận “Làng phòng thủ, nhà pháo đài ở vùng biên giới Việt - Trung”. Mục đích của bài viết nhằm “giới thiệu về hình ảnh của làng phòng thủ và nhà kiêu pháo đài của đồng bào Tày, Nùng ở hai xã Cao Lâu và Xuất Lễ, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn” (Vi Văn An, 1988, tr. 130 - 136). Bài viết cũng đề cập đến cách thức sử dụng, khai thác làng phòng thủ, nhà pháo đài trong việc bảo vệ, chống

¹ Nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

lại các cuộc tấn công của những thế lực thù địch và bước đầu lý giải nguyên nhân ra đời, tồn tại và suy giảm của loại hình cư trú này. Song, tác giả chưa có cái nhìn bao quát trên phạm vi cả nước, nhất là những giá trị của loại hình cư trú làng phòng thủ, nhà pháo đài cho phát triển du lịch cộng đồng. Bài viết này đưa ra cách nhìn nhận mới về làng phòng thủ, nhà pháo đài - một thành tố/đặc trưng văn hóa của cư dân Tày, Nùng ở Lạng Sơn dưới góc nhìn lịch sử - văn hóa, sinh thái - nhân văn và du lịch trong phạm vi quốc gia nói chung và phạm vi tỉnh Lạng Sơn thuộc khu vực biên giới Đông Bắc Việt Nam nói riêng.

1. Làng phòng thủ và nhà pháo đài trong phạm vi quốc gia

Trong bài viết nói trên Vi Văn An đã khẳng định “... có thể nói làng phòng thủ, nhà kiểu pháo đài là một nét đặc trưng văn hóa độc đáo và phổ biến của các dân tộc cư trú trên tuyến biên giới Đông Bắc nước ta nói chung, cũng như khu vực biên giới Cao Lâu, Xuất Lễ huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn nói riêng” và “đặc trưng đó phù hợp với môi trường địa lý, tự nhiên của vùng Đông Bắc nước ta” (Vi Văn An, 1988, tr. 136). Nhận xét của Vi Văn An là đúng nhưng chưa đủ, chưa phản ánh hết tầm vóc, vai trò, mức độ quan trọng của hình thức cư trú rất đặc biệt ở người Tày, Nùng vùng biên giới Đông - Bắc của đất nước.

Đầu tiên cần phải khẳng định giữ an toàn cho nơi sinh sống (gần nhất là nhà và làng) là mong muốn từ xa xưa của con người. Từ khi mới hình thành, con người đã tìm những hang đá làm nơi sinh sống nhằm trú tránh thời tiết khắc nghiệt, ngăn cản sự tấn công của muông thú và những cộng đồng thù địch. Phải đến khi bắt đầu chế tác được công cụ bằng kim loại con người mới tự tin rời khỏi hang, tiến ra dựng nhà, lập làng, định cư lâu dài trên các vùng đất bằng phía ngoài. Trên đất nước Việt Nam, giai đoạn đó xuất hiện những bộ lạc chủ nhân của văn hóa Phùng Nguyên, những cư dân trồng lúa ở vùng Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Nội, Hải Phòng hiện nay (Nguyễn Quang Ngọc chủ biên, 2010, tr. 16).

Sau này, khi đã thành lập được các cộng đồng lớn hơn, tiền quốc gia rồi quốc gia, không chỉ các vùng biên giới mà tất cả các làng quê, thôn bản trên đất nước Việt Nam, trong suốt chiều dài lịch sử, hầu như đều có dấu tích của làng phòng thủ, nhà pháo đài. Cuối thời kỳ Hùng Vương, khi Tần Thủy Hoàng đưa 50 vạn quân xuống tấn công người Bách Việt ở phía nam Trường Giang (Nguyễn Quang Ngọc chủ biên, 2010, tr. 30), sách Hoài Nam Tử cho biết “người Việt (Lạc Việt và Âu Việt) đều vào rừng, ở với cầm thú không ai chịu để cho quân Tần bắt” và “họ cùng nhau đặt người tuần kiết lên làm tướng để ban đêm ra đánh quân Tần” (Nguyễn Quang Ngọc chủ biên, 2010, tr. 30). Có nghĩa là người Việt khi đó đã bỏ vào rừng, lập nên những làng trong rừng với các hàng rào cây (tre) xung quanh để chống lại kẻ thù xâm lược. Với kế sách đó người Việt đã đại phá quân Tần, giết chết Đồ Thư, buộc nhà Tần phải bãi binh. Chiến thắng đó là một trong những cơ sở quan trọng cho sự ra đời của nhà nước Âu Lạc của An Dương Vương. Thục Phán (An Dương Vương - lãnh tụ của người Âu Việt) đã thay thế Hùng Vương (lãnh tụ của người Lạc Việt) lãnh đạo liên minh Tây Âu - Lạc Việt, thành lập nước Âu Lạc, xây dựng kinh đô ở Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội) với tòa

Loa Thành nổi tiếng. Trong mấy chục năm cầm quyền, An Dương Vương - Thục Phán còn nhiều lần lãnh đạo cư dân Âu Lạc đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược của Triệu Đà. Kết quả đó không chỉ nhờ vào tòa Loa Thành và nỏ Liên Châu mà còn nhờ vào các tòa thành nhỏ - làng phòng thủ, nhà pháo đài được xây dựng và phát triển ở khu vực biên giới Đông - Bắc, nơi cư trú tập trung của người Âu Việt, tổ tiên của hai dân tộc Tày, Nùng hiện nay.

Suốt 1.000 năm Bắc thuộc với rất nhiều cuộc khởi nghĩa, từ khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Triệu Quang Phục, đến các cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan, Phùng Hưng, Ngô Quyền, chúng ta đều thấy dấu ấn của các làng phòng thủ, nhà pháo đài, xung quanh là các hàng rào cây, thậm chí là rừng cây che chắn, bảo vệ. Với khởi nghĩa Hai Bà Trưng, căn cứ của cuộc khởi nghĩa được Thiên Nam ngữ lục mô tả “Hát Môn có thể dụng binh; Sông sâu làm cứ, rừng xanh làm nhà” (Nguyễn Quang Ngọc chủ biên, 2010, tr. 40). Sau khi được Lý Bí (Lý Nam Đế) giao lại binh quyền, Triệu Quang Phục “lui về xây dựng căn cứ mới ở Dạ Trạch (Khoái Châu, Hưng Yên). Từ Dạ Trạch, đêm đêm quân ta kéo ra liên tục tập kích các doanh trại và các cuộc hành binh của quân Lương” (Nguyễn Quang Ngọc chủ biên, 2010, tr. 49). Khi đánh giá về nguyên nhân nước Việt Nam vừa có thể giành lại độc lập, giữ được truyền thống văn hóa, vừa hiên ngang trong tư thế của một quốc gia tự chủ, tự cường, tự lập sau hơn 1.000 năm Bắc thuộc, các nhà sử học khẳng định “... trong suốt thời Bắc thuộc chúng (kẻ thù) không thể nào với tay tới và can thiệp làm biến đổi cơ cấu xóm làng cổ truyền của ta ...” (Nguyễn Quang Ngọc chủ biên, 2010, tr. 65) và “Nhân dân ta đã giữ được làng, bảo tồn làng, dựa vào làng và xuất phát từ làng mà đấu tranh bền bỉ, kiên cường để giành lại độc lập cho đất nước” (Nguyễn Quang Ngọc - Chủ biên, 2010, tr. 66). Vì vậy, các vương triều Lý, Trần, Lê... sau này đều đã có những chính sách hoặc duy trì những chính sách bảo đảm sự độc lập tương đối của làng; xây dựng làng phòng thủ, nhà pháo đài để chống giặc ngoại xâm. Trong đó, nổi bật nhất cần phải kể tới chính sách cấp ruộng tịch điền cho quan lại trực tiếp canh tác (từ thời Tiền Lê), chính sách “ngụ binh ư nông” (từ thời Lý), chính sách phong thái ấp, điền trang cho các quy tộc, quan lại (từ thời Trần); chế độ “quân điền” (bắt đầu từ thời Lê Thái Tổ, hoàn chỉnh dưới thời Lê Thánh Tông)... Những chính sách đó đã giúp ích rất nhiều cho các vương triều kể trên trong các cuộc chiến tranh chống xâm lược. Đặc biệt, trong cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông, cả 3 lần phải rời khỏi Thăng Long, vua quan nhà Trần luôn giữ được an toàn khi dựa vào các làng quê ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ; các tướng lĩnh luôn đánh giặc và lãnh đạo quân, dân đánh giặc trên chính quê hương hay vùng đất được phong cấp của mình. Cho đến lúc hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, làng kháng chiến đã có những đóng góp hết sức tích cực và hiệu quả. Có thể kể ra rất nhiều làng kháng chiến nổi tiếng như Võng La “Làng kháng chiến giữa lòng Hà Nội” (Nghĩa Nam, 2015); làng Stor của người Ba-na, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, nơi anh hùng Núp lãnh đạo người dân đánh Pháp (<https://vietnamtourism.com>). Có thể nói, Trường Sơn - Tây Nguyên là khu vực nổi tiếng với những làng phòng thủ, mỗi làng có từ 2 đến 3 vòng hàng rào bằng cây, que (tre) cùng

các loại chông, thò, cạm, bẫy bảo vệ làng,... Bên cạnh đó, không thể không kể tới hai địa đạo (làng địa đạo) nổi tiếng khắp Việt Nam và trên thế giới: địa đạo Vĩnh Mốc thuộc xã Vĩnh Thạch, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị (Thanh Ly, 2015) và địa đạo Củ Chi, ấp Phú Hiệp, xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh (<https://diadaocuchi.com.vn>). Đây chính là loại hình làng phòng thủ đã được nâng lên một tầm cao mới.

Có thể khẳng định, việc tạo dựng và duy trì sự chắc chắn của nhà, của làng luôn là một trong những yêu cầu, nhiệm vụ cấp thiết, nhất là với các cộng đồng cư dân sinh sống ở khu vực biên giới. Trong lịch sử phát triển của các cộng đồng dân tộc ở Việt Nam không chỉ vùng biên giới Đông Bắc mà tất cả vùng biên giới của đất nước, nơi thường hay có những tranh chấp giữa hai quốc gia đều có khả năng đã xuất hiện các làng phòng thủ, nhà pháo đài. Đây có thể là sự thích ứng tự nhiên của các cộng đồng cư dân trong khu vực không có sự ổn định về an ninh, trật tự xã hội, nhằm chống lại sự hoành hành, phá hoại của các nhóm thổ phỉ, cướp bóc và sự xâm chiếm của lực lượng vũ trang từ quốc gia đối địch (cả lực lượng tại chỗ và lực lượng được điều động từ nơi khác đến). Cho đến nay, tình hình đã khác trước rất nhiều, đường biên giới trên đất liền của Việt Nam và các nước phần lớn đã được phân định, các cột mốc biên giới đã được xây dựng, nhưng Nhà nước Việt Nam vẫn có những chính sách xây dựng, phát triển các làng bản khu vực biên giới đảm bảo an ninh quốc phòng và an toàn cho các cộng đồng cư dân. Gần đây nhất, Nhà nước công bố và triển khai Nghị định số 152/2007/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị (Khoá X) “*Về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành KVPT (khu vực phòng thủ) vững chắc trong tình hình mới*”. Dựa trên tinh thần của hai văn bản này, các tỉnh, thành, địa phương trong cả nước đã xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với quốc phòng - an ninh giai đoạn 2010-2020.

2. Nhà phòng thủ, làng pháo đài trong phạm vi vùng biên giới Đông Bắc và đối với hai dân tộc Tày, Nùng

Xã Cao Lâu và xã Xuất Lễ, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn nằm ở vùng biên giới Đông Bắc của tổ quốc - nơi cư trú của đông đảo dân tộc Tày, Nùng, phía Đông giáp cửa khẩu Chi Ma (xã Yên Khoái, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn); phía Tây giáp cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Hữu Nghị quan, một địa danh nổi tiếng trong lịch sử chống giặc ngoại xâm phương Bắc). Vì vậy, khu vực này đã trở thành nơi tồn tại và phát triển loại hình làng phòng thủ, nhà pháo đài trong lịch sử. Điều này đã được trình bày một cách tương đối chi tiết và đầy đủ trong bài viết của Vi Văn An. Theo như mô tả của tác giả, hình thức xây dựng làng phòng thủ thực chất là tạo các vòng thành (*khuyên*) bao bọc phía ngoài các ngôi nhà (trong làng). Có thể phân chia làng phòng thủ ở đây thành hai loại, theo chất liệu của “*khuyên*”: (1) Làng phòng thủ với “*khuyên*” là những “hàng rào bằng tre trồng dày đặc phía ngoài bằng tre gai, cọc vót nhọn”; (2) Làng phòng thủ với “*khuyên*” bằng đá. Rõ ràng, ở vùng khí hậu nhiệt đới như Việt Nam, việc sử dụng tre (tre trồng thành tường thành và tre đẽo thành chông... để tạo

các vòng thành là khá phổ biến và phù hợp. Điều này còn được thấy ở các làng phòng thủ/làng kháng chiến ở các dân tộc khác, các khu vực khác trên cả nước, như người Việt (ở cả đồng bằng, trung du và miền núi; ở cả miền Bắc, miền Trung và miền Nam); các dân tộc trên Trường Sơn - Tây Nguyên (tiêu biểu như làng Stor của anh hùng Núp, dân tộc Ba-na),...

Một vấn đề cần xem xét ở đây là: tại sao trong khi hầu hết các nhóm Tày, Nùng đều ở nhà sàn làm bằng tre gỗ, riêng nhóm Tày và Nùng ở khu vực này lại ở trong những ngôi nhà tường trình (tường đất)? Lý do đầu tiên cũng bắt nguồn từ khu vực biên giới, trong quá khứ, nơi an ninh, an toàn của con người (cá nhân và tập thể) không được đảm bảo. Người dân buộc phải tự tạo lập sự an toàn cho bản thân và gia đình. Và, đương nhiên, sống trong một ngôi nhà tường trình bằng đất dày 40-50cm sẽ an toàn hơn so với sống trong những ngôi nhà sàn bằng tranh, tre, nứa, lá,... Thứ hai, cần phải nhìn vào điều kiện khí hậu của khu vực: toàn bộ địa bàn huyện, đặc biệt là các xã giáp biên giới, trong đó có hai xã Cao Lô, Xuất Lễ hướng ra phía Đông Bắc đón gió. Tỉnh Lạng Sơn nói chung, huyện Cao Lộc nói riêng, là khu vực có mùa đông đến sớm, kéo dài và lạnh (Nguyễn Cường, Hoàng Văn Nghiệm, 2000, tr. 5). Trong tình trạng đó, sinh sống ở trong các ngôi nhà trình tường kín gió chắc chắn sẽ ấm hơn rất nhiều so với những ngôi nhà có sàn bằng tre, nứa đập đập bồ phanh; vách che bằng phen đan.

Từ đó đặt ra vấn đề là: hình thức làng phòng thủ với một hoặc vài vòng tường thành bao bọc xung quanh đã và đang tồn tại ở đây cho thấy điều gì về nguồn gốc của hai dân tộc Tày, Nùng? Hiện nay, đa số các nhà dân tộc học/nhân học Việt Nam đều thống nhất khẳng định Tày và Nùng là 2 trong số 8 dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái (Tày, Thái, Nùng, Sán Chay (Cao Lan, Sán Chí), Giáy, Lào, Lự, Bố Y); là một trong 12 dân tộc ngữ hệ Thái - Ka-đai (gồm nhóm Tày - Thái 8 dân tộc và nhóm Ka-đai 4 dân tộc). Qua nghiên cứu các cứ liệu ngôn ngữ (địa danh cổ) ở khu vực Đông Anh (Hà Nội) và cứ liệu dân tộc học về người Thái, nhà dân tộc học Hoàng Lương đã cho rằng, khu vực này với con sông Cà Lò, bến đò Lo, là giới hạn xa nhất (về phía Đông Nam) vùng cư trú của người Tày - Thái cổ hay người Tày cổ (Hoàng Lương, 2015, tr. 265-277). Trong khi đó, tác giả Nguyễn Quang Ngọc và Trần Minh An trong bài viết “Vấn đề nguồn gốc của Thục Phán và sự thành lập nước Âu Lạc” cho rằng, Thục Phán là đại diện cho nhóm (tộc) người Âu Việt (Tây Âu) hay người Tày cổ. Người Âu Việt hay người Tày cổ khi đó cư trú ở khu vực các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn hiện nay (trung tâm là Cao Bằng). Sau khi giành chiến thắng trong cuộc chiến tranh chống quân Tần xâm lược, Thục Phán thay thế Hùng Vương, tự xưng là An Dương Vương, thành lập nước Âu Lạc, đóng đô ở Cổ Loa. Đây chính là nguyên nhân xuất hiện nhiều địa danh Tày - Thái cổ và nhiều nét văn hóa Tày cổ ở khu vực Đông Anh, Hà Nội hiện nay (Nguyễn Quang Ngọc, Trần Minh An, 2006, tr. 85-95).

Gần đây hơn, Trịnh Sinh, một nhà Khảo cổ học cho rằng do trên địa bàn tỉnh Cao Bằng hiện nay không tìm thấy “các di tích thời kim khí”; “không có chứng cứ rõ rệt về một trung tâm kinh tế, xã hội lớn thời Đông Sơn” nên “giả thuyết về thủ lĩnh người Tày Thái là An

Dương Vương có gốc ở Cao Bằng là điều không có cơ sở chứng minh”. Sau đó, dựa trên các tư liệu khảo cổ học về văn hóa Đông Sơn ở khu vực “hành lang sông Hồng” tác giả đã đưa ra giả thuyết “có thể nguồn gốc của Thục Phán - An Dương Vương là một thủ lĩnh của người Thái cổ ở đoạn trên sông Hồng” (Trịnh Sinh, 2015, tr. 111). Đúng là cho đến thời điểm hiện nay giới khảo cổ học Việt Nam chưa tìm thấy những di tích/di chỉ văn hóa Đông Sơn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, nhưng trên vùng đất này giới khảo cổ học cũng đã phát hiện những dấu tích của con người thời cổ đại, một vài hiện vật đồng, trong đó có cả trống đồng Đông Sơn cổ, quý hiếm (Quốc Đạt, Ngân Hà, 2012). Bên cạnh đó, các thư tịch cổ của Việt Nam và Trung Quốc đều cho thấy hai dân tộc Tày và Nùng là cư dân tại chỗ, đã tồn tại và phát triển liên tục ở khu vực này từ cuối thiên kỷ I trước Công Nguyên đến ngày nay.

Theo nhận định của Đào Duy Anh về địa bàn sinh tụ của người Tây Âu và nước Nam Cường, trong sách *Đất nước Việt Nam qua các đời*, có thể khẳng định địa bàn tỉnh Lạng Sơn xưa cũng thuộc về quốc gia Nam Cường của vua Thục (Đào Duy Anh, 1964, tr. 20-22). Trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn hiện nay, các nhà khảo cổ đã tìm thấy những dấu tích của người vượn từ thời đá cũ tại các hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai, Kéo Lèng (Nguyễn Quang Ngọc chủ biên, 2010, tr. 11) và “Bình Gia (huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn) chính thức được xác định là một trong những cái nôi của loài người” (<https://minhquan-lichsu.blogspot.com>). Không chỉ có vậy, tại huyện Bắc Sơn, “các nhà khảo cổ tiếp tục tìm ra nhiều công cụ đá và các di chỉ về sự cư trú của người Việt cổ, cái nôi khai sinh ra nền văn hóa Bắc Sơn thuộc thời đồ đá sơ kỳ”. Văn hóa Bắc Sơn “phân bố chủ yếu trong vùng núi đá vôi Bắc Sơn gồm các huyện Bắc Sơn, Bình Gia, Hữu Lũng, Chi Lăng, Văn Quan (Lạng Sơn), Võ Nhai (Thái Nguyên). Tuy ra đời sau văn hóa Hòa Bình, nhưng văn hóa Bắc Sơn có quan hệ nguồn gốc với những đặc trưng chung của văn hóa Hòa Bình và cùng kết thúc quá trình tồn tại ở khoảng thời gian cách ngày nay 7.000 năm” (Nguyễn Quang Ngọc chủ biên, 2010, tr. 13). Là một vùng đất cổ, nằm trên con đường giao lưu từ Bắc xuống Nam, rất khó để khẳng định ở khu vực này hơn 2.000 năm trước (giai đoạn văn minh Đông Sơn) không có người sinh sống. Rất có thể những dấu tích của cư dân Âu Việt thời Đông Sơn, tổ tiên của người Tày và người Nùng ở Cao Bằng và Lạng Sơn hiện nay sẽ được phát hiện trong thời gian tới. Nếu những dấu tích/di tích này không được phát hiện cũng không thể đi đến kết luận khu vực này vào thời văn minh Đông Sơn không có người cư trú, bởi rất có thể các dấu tích văn hóa, văn minh này đã bị cướp phá, đưa đi nơi khác.

Đặc biệt, trên đất Cao Bằng hiện “vẫn còn lưu truyền huyền thoại về thành Na Lự của Bé Khắc Thiệu (...). Câu chuyện Bé Khắc Thiệu xây thành và làm nô thần gần như mô phỏng theo truyền thuyết Rùa Vàng” (Nguyễn Quang Ngọc, Trần Minh An, 2006, tr. 91). Cao Bằng cũng tồn tại huyền thoại về thành Bản Phủ, nơi Thục Chế (cha của Thục Phán) và sau đó tới Thục Phán sinh sống (tuy 2 vòng thành còn lại đến ngày nay chỉ được các nhà khảo cổ học bước đầu xác định có niên đại khoảng thế kỷ XVII-XVIII). Đó là chưa kể tới

những nét tương đồng giữa cấu trúc thành Cổ Loa và thành Sam Mứn, một tòa thành do người Thái xây dựng khoảng thế kỷ XIII-XIV còn dấu tích ở xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên hiện nay (Nguyễn Quang Ngọc, Trần Minh An, 2006, tr. 92). Kết hợp với các thành (*khuyên*) nhỏ bao quanh các bản/ làng của người Tày, Nùng ở Lạng Sơn (tập trung ở vùng biên giới huyện Cao Lộc) càng cho thấy cộng đồng các cư dân Tày - Thái (Tày cổ) có truyền thống xây dựng thành, bắt đầu từ các vòng *khuyên* nhỏ tạo nên/bao quanh các làng/bản phòng thủ. Kết hợp truyền thống xây dựng thành của người Âu Việt - Tày cổ (tổ tiên của người Tày, Nùng hiện nay) với truyền thống đắp đê ngăn nước của người Lạc Việt (người Việt cổ) là cơ sở cho việc hình thành lên tòa Loa Thành nổi tiếng trong lịch sử nước ta (Nguyễn Quang Ngọc, Trần Minh An, 2006, tr. 92). Đây chính là đóng góp quan trọng của các cư dân Tày cổ (tổ tiên của 2 dân tộc Tày, Nùng) trong lịch sử dựng nước và giữ nước của quốc gia - dân tộc Việt Nam.

3. Vấn đề bảo tồn làng phòng thủ, nhà pháo đài của người Tày, Nùng ở Lạng Sơn trong phát triển du lịch

Rõ ràng việc xây dựng làng phòng thủ với các hàng rào cây (chủ yếu là tre/tre gai) hoặc tre, nứa, gỗ (thậm chí tre, nứa, gỗ vót nhọn, chông, thò, cạm, bẫy...) kết hợp với các vòng thành bằng đất, đá ngăn chặn sự xâm nhập, tấn công của kẻ thù, những người lạ mặt... là truyền thống của các dân tộc trên đất nước Việt Nam từ xưa đến nay. Truyền thống này đặc biệt phát triển trong các thời kỳ chiến tranh, loạn lạc và ở các khu vực biên giới, nơi điều kiện an ninh, an toàn của người dân, gia đình và cộng đồng không được đảm bảo. Cần ghi nhận truyền thống dựng thành, từ các vòng thành nhỏ (bằng đất, đá, tre, nứa...) bảo vệ làng đến những tòa thành lớn hơn bảo vệ những cộng đồng cư dân có quy mô lớn hơn, như thành Nà Lự, thành Bản Phủ, thành Sam Mứn... của người Tày cổ. Đặc biệt, truyền thống này còn góp phần tạo dựng lên những tòa thành lớn, tầm quốc gia nổi tiếng trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, tiêu biểu nhất gắn liền với các cộng đồng cư dân Tày - Thái (Tày cổ), trong đó có hai dân tộc Tày, Nùng cư trú tập trung ở khu vực Đông Bắc Bắc Bộ là tòa Loa Thành (Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội) do Thục Phán - An Dương Vương tổ chức xây dựng vào những năm đầu thế kỷ thứ II TCN.

Nhà nước Việt Nam đã có những chính sách cụ thể nhằm bảo tồn, tôn vinh các tòa thành lớn ở cấp quốc gia (thành Cổ Loa), khu vực (thành Sam Mứn, Bản Phủ ở Điện Biên; thành Nà Lự, Bản Phủ ở Cao Bằng), các làng phòng thủ, làng kháng chiến, như: địa đạo Củ Chi, địa đạo Vịnh Mốc, làng Stor,... Và, hầu hết những địa điểm này đều đã, đang trở thành những địa chỉ thu hút sự quan tâm, chú ý của khách du lịch trong và ngoài nước, góp phần phát huy giá trị của các loại thành và làng kể trên, đem lại nguồn thu tương đối lớn và ổn định cho cư dân trong khu vực. Tuy vậy, cho đến thời điểm hiện nay, chính quyền từ Trung ương đến địa phương lại hầu như chưa có chính sách, kế hoạch cụ thể nào nhằm bảo tồn, tôn vinh, phát huy giá trị của các làng phòng thủ, nhà pháo đài tiêu biểu của dân tộc Tày, Nùng ở

vùng biên giới Đông Bắc của tổ quốc để phục vụ phát triển du lịch cộng đồng.

Do điều kiện kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội trong khu vực đã có nhiều thay đổi, làng phòng thủ, nhà pháo đài của người Tày, Nùng ở khu vực biên giới Đông Bắc tổ quốc đã và đang trong tình trạng xuống cấp đáng kể. Trong bài tham luận viết 30 năm trước, tác giả Vi Văn An cho biết ở khu vực hai xã Cao Lâu, Xuất Lễ trước đây, hầu hết các làng bản đều được xây dựng theo kiểu phòng thủ. Các làng đều được bao bọc xung quanh bằng hàng rào tre hoặc vòng thành đá, gọi là “*khuyên*”. Tiêu biểu cho loại *khuyên* bằng tre là bản Cồn Nàn (xã Cao Lâu). Cách đây trên 100 năm, bản có hàng rào tre gai rất kiên cố. Khi đó bản có 30 nóc nhà đều xây theo kiểu pháo đài. Tiêu biểu cho loại *khuyên* đá là bản Khuyên Hin (xã Xuất Lễ). Bản chính thức được xây dựng năm 1888. Trước kia, bản có 31 nhà đều xây theo kiểu pháo đài (Vi Văn An, 1988, tr. 131). Vào thời điểm năm 1988, tình trạng làng phòng thủ, nhà pháo đài ở khu vực cũng đã suy giảm: “Ngày nay làng phòng thủ và nhà pháo đài hầu như đã vắng bóng ở khu vực Cao Lâu, Xuất Lễ. Những ngôi nhà pháo đài trước kia hiện còn cũng đã qua tu sửa, thêm bớt chi tiết theo xu hướng đơn giản, gọn nhẹ đi” (Vi Văn An, 1988, tr. 135). Trong những năm gần đây (2019), tình trạng của các làng phòng thủ, nhà pháo đài ở khu vực này còn suy giảm, tàn tạ hơn. Lời bình trong phim phóng sự “Khám phá kiến trúc “làng phòng thủ, nhà pháo đài” phát trên kênh truyền hình VTV1, ngày 15/12/2016 cho biết: “Những dấu tích tường bằng đá được hình thành giữa thế kỷ XIX đến nay còn lại rất ít, ... Những khối đá xây dựng làng phòng thủ giờ đây một phần đã bị dỡ bỏ để làm hàng rào đá trong làng, ... Một số phiến đá được đập nhỏ để giữ mái ngói âm dương của người Nùng trước thiên tai” (<https://vtv.vn/video>).

Để bảo tồn, phát huy các giá trị làng phòng thủ, nhà pháo đài của người Tày, Nùng ở Cao Lộc, Lạng Sơn, chính quyền từ tỉnh, huyện đến xã, làng/bản cần chủ động tổ chức nghiên cứu, xác định chính xác các giá trị (lịch sử, văn hóa, kiến trúc...) của từng làng phòng thủ, nhà pháo đài trong khu vực; lựa chọn chính xác một hoặc một số làng/bản, cụm làng/cụm bản để tổ chức bảo tồn (bảo tồn sống hoặc bảo tồn nguyên vẹn), giới thiệu tới người dân và du khách. Chính quyền cấp tỉnh cần chỉ đạo các đơn vị chức năng (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin - Truyền thông, Phòng Quản lý văn hóa, Phòng Quản lý di sản, Phòng Quản lý du lịch, Phòng Văn hóa huyện...) nghiên cứu phục chế một số đoạn thành đá, thành tre, một số chi tiết/bộ phận trong một vài ngôi nhà pháo đài tiêu biểu còn lại; nghiên cứu vẽ sơ đồ, lập mô hình cách bố trí các ngôi nhà, xóm ngõ, đường đi...; ghi chép chi tiết cách thức liên kết giữa các gia đình, xóm ngõ và một số làng/bản với nhau trong việc ngăn chặn, chống trả các cuộc tấn công, xâm nhập của thổ phỉ, cướp, ... Song song với các công việc đó, lãnh đạo địa phương cần tổ chức tốt việc quảng bá, xúc tiến du lịch; xây dựng các tua, tuyến du lịch, tạo ra những sản phẩm du lịch liên quan đến các làng phòng thủ, nhà pháo đài tiêu biểu trong khu vực. Đặc biệt, chính quyền địa phương cần tuyên truyền để người dân, các gia đình Tày, Nùng trong khu vực tham gia hoạt động du lịch, phát triển du

lịch, biến làng mình, nhà mình thành điểm du lịch thu hút du khách theo mô hình du lịch cộng đồng hoặc nhượng lại nhà của mình giúp chính quyền địa phương bảo tồn, phát triển du lịch, thu hút khách tham quan,... Với các hoạt động cụ thể; với sự tham gia tích cực, chủ động của các cơ quan chức năng và người dân, chắc chắn truyền thống/di sản văn hóa làng phòng thủ, nhà pháo đài của người Tày, người Nùng ở huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn sẽ được bảo tồn và phát huy, góp phần phát triển du lịch trên địa bàn, đem lại nguồn thu cho người dân.

Kết luận

Làng phòng thủ, nhà pháo đài không chỉ là đặc trưng văn hóa tiêu biểu của cộng đồng dân tộc Tày, Nùng vùng biên giới Đông Bắc mà còn là đặc trưng văn hóa tiêu biểu của nhiều dân tộc trên đất nước Việt Nam, trong suốt hơn 2.000 năm chống giặc ngoại xâm, từ cuộc kháng chiến chống quân Tần những năm cuối của thế kỷ III trước Công Nguyên cho đến ngày nay. Truyền thống này được phát huy trong suốt 1.000 năm chống Bắc thuộc và ngày càng được bồi đắp bởi các chính sách duy trì, khuyến khích, phát triển của các nhà nước Việt Nam từ thời tiền Lê, qua thời Lý, Trần, Lê... tới nhà nước Việt Nam ngày nay.

Làng phòng thủ, nhà pháo đài của dân tộc Tày, Nùng đã giữ vai trò quan trọng trong các cuộc chiến tranh chống xâm lược của nhà nước Việt Nam. Nó có vai trò quan trọng trong việc tạo lập, xây dựng các tòa thành tiêu biểu trong khu vực và cả nước, đặc biệt là tòa thành của nhà nước Âu Lạc, do Thục Phán - An Dương Vương tổ chức xây dựng tại khu vực xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội hiện nay. Sự kết hợp giữa kỹ thuật xây thành bằng đất, đá, tạo các hàng rào bằng tre gỗ... của người Tày cổ, tổ tiên của các dân tộc Tày, Nùng nói riêng, các dân tộc trong nhóm ngôn ngữ Tày - Thái nói chung và kỹ thuật đắp đê ngăn nước, chống lụt của người Việt cổ đã tạo nên tòa thành cổ nổi tiếng ở khu vực Đông Nam Á.

Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời gian qua đã có những chính sách cụ thể nhằm bảo tồn, phát huy giá trị của các tòa thành cổ ở tầm quốc gia (tiêu biểu nhất là thành Cổ Loa), khu vực (thành Sam Mứn, thành Nà Lự, thành Bản Phủ,...) cùng một số làng phòng thủ, nhà pháo đài tiêu biểu trong cả nước, như địa đạo Củ Chi, địa đạo Vịnh Mốc, làng Stor,... Hầu hết các tòa thành, các làng phòng thủ, nhà pháo đài này đều đã trở thành điểm du lịch hấp dẫn, thu hút khách tham quan trong và ngoài nước, đem lại nguồn thu đáng kể cho cư dân. Tuy vậy, Đảng và Nhà nước Việt Nam hầu như chưa có những chính sách cụ thể nhằm bảo tồn, phát huy giá trị của các làng pháo đài, nhà phòng thủ tiêu biểu của dân tộc Tày, Nùng ở vùng biên giới Đông Bắc của tổ quốc. Chính quyền địa phương từ tỉnh, huyện đến xã, thôn/bản cần có những hành động cụ thể nhằm bảo tồn, phát huy các đặc trưng văn hóa tiêu biểu này của hai dân tộc Tày, Nùng, vùng biên giới Đông Bắc, góp phần phát triển du lịch trong khu vực, đem lại nguồn thu, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần cho cư dân.

Tài liệu tham khảo

1. Vi Văn An (1988), “Làng phòng thủ, nhà pháo đài ở vùng biên giới Việt - Trung”, trong: *Tuyển tập luận văn Hội nghị khoa học Xứ Lạng - Lạng Sơn*, Sở Văn hóa - Thông tin Lạng Sơn, tr. 130-135.
2. Đào Duy Anh (1964), *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Cường, Hoàng Văn Nghiệm (2000), *Xứ Lạng văn hóa và du lịch*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Bảo tàng tổng hợp tỉnh Lạng Sơn, Hà Nội.
4. Quốc Đạt, Ngân Hà (2012), *Hé mở lịch sử người cổ đại ở Cao Bằng*, trên trang <https://baotintuc.vn> (đăng ngày 25/9/2012, truy cập ngày 5/9/2018).
5. Giới thiệu về khu di tích lịch sử địa đạo Củ Chi, trên trang <https://diadaocuchi.com.vn> (truy cập ngày 5/9/2018).
6. Nguyễn Thị Hải (2011), “Vài nét về nguồn gốc người Tày ở Cao Bằng”, *Tạp chí Khoa học & công nghệ*, Đại học Thái Nguyên, số 84 (08), tr. 17-22.
7. Khám phá kiến trúc “làng phòng thủ, nhà pháo đài”, trên trang <https://vtv.vn/video> (phát lúc 20h07 ngày 15/12/2016).
8. Lê Văn Lan (1964), “Bước đầu nghiên cứu về nhà của người Tày”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 58, tháng 1.
9. *Làng kháng chiến Stor*, trên trang <https://vietnamtourism.com> (truy cập ngày 5/9/2018).
10. *Lạng Sơn vùng đất của những dấu tích cổ*, minhquan-lichsu.blogspot.com (đăng ngày 6/7/2012; truy cập ngày 5/9/2018).
11. Lã Văn Lô, Đặng Nghiệm Vạn (1968), *Sơ lược giới thiệu các nhóm dân tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Thanh Ly (2015), “Địa đạo Vịnh Mốc - kỳ tích sống trong lòng đất Quảng Trị”, trên trang <https://danviet.vn> (đăng ngày 15/10/2015, truy cập ngày 05/9/2018).
13. Hoàng Lương (2015), “Những địa danh Tày - Thái cổ ở xung quanh vùng Hà Nội”, trong: *Người Tày - Thái cổ ở Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr. 265-277.
14. Nghĩa Nam (2015), “Làng kháng chiến giữa lòng Hà Nội”, trên trang <https://nhandan.com.vn> (đăng ngày 21/8/2015, truy cập ngày 05/9/2018).
15. Phan Hoàng Nam (2011), “Xây dựng xã, cụm làng (ấp) chiến đấu trong khu vực phòng thủ tỉnh Đồng Tháp”, trên trang <https://tapchiquptd.vn> (đăng ngày 14/4/2011; truy cập ngày 31/8/2018).

16. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên - 2010), *Tiến trình lịch sử Việt Nam* (tái bản lần thứ mười, có chỉnh lý, sửa chữa), Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

17. Nguyễn Quang Ngọc, Trần Minh An (2006), “Vấn đề nguồn gốc của Thục Phán và sự thành lập nước Âu Lạc”, trong: *Đóng góp của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái trong tiến trình lịch sử Việt Nam* (Hội nghị Thái học Việt Nam lần thứ IV, Cao Bằng-2006), tr. 85-95.

18. Trịnh Sinh (2015), “Người Thái và văn hóa Đông Sơn”, trong: *Cộng đồng Thái - Kadai Việt Nam: Những vấn đề phát triển bền vững* (Hội nghị Quốc gia Thái học Việt Nam lần VII tại Lai Châu), Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 105-113.

19. Ngô Đức Thịnh (1985), “Hội đầu xuân của các dân tộc trên biên giới phía Bắc”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 3+4.



Một góc làng Thạch Khuê, xã Xuất Lễ, huyện Cao Lộc,
tỉnh Lạng Sơn hiện nay

Ảnh: Dương Công Bao, chụp năm 2018